

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 7 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm Sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 445/2017/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm số 488/2019/TB-TA ngày 16/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Vĩnh Thạnh Đ, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ 04, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1945. Nơi cư trú: Tổ 09, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt);

3.2 Chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Long Thành, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt);

3.3 Chị Lê Võ Tuyết H, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt);

3.4 Chị Nguyễn Thị Huyền M, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Tổ 09, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số 174 Khu dân cư khóm 1, thị trấn Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt);

3.5 Ông Nguyễn Văn Ngọc A, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Tân Lợi, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt);

3.6 Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Vĩnh Thạnh Đ, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt);

3.7 Chị Trương Thị D, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt);

3.8 Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi tắt là AGRIBANK). Do ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Thành viên AGRIBANK – Đại diện theo pháp luật. Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Duật, Mỹ Đình, T, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của AGRIBANK, có bà: Tiêu Thị Mỹ L. Chức vụ: Giám đốc – Agribank Chi nhánh thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án). Địa chỉ: Số 215 đường Trần Hưng Đạo, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt);

3.9 Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà REE Tower, số 9, Đoàn Văn Bơ, phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt);

3.10 Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2017, bổ sung ngày 26/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh P và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào tháng 4 năm 2000, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 06/10/2014 (theo bản sao trích lục kết hôn số 490/TLKH-BS, ngày 16/10/2017 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thanh P và Nguyễn Thị H). Cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng kể từ khi kết hôn đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ cuối năm 2002 đến tháng 8/2008. Từ tháng 9/2008 vợ chồng chung sống lại đến ngày 20/8/2017 và từ ngày 21/8/2017 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, hay xung đột nhau. Nay anh P yêu cầu ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trường Q, sinh ngày 01/01/2002 và Nguyễn Trường H, sinh ngày 04/02/2011 hiện cháu Q do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh P đồng ý giao cháu Q cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động được. Anh P không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu H.

- *Về tài sản chung*: Chị H có quản lý số tiền chung của vợ chồng là 10.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh P yêu cầu chị H chia cho anh 5.000.000 đồng vào ngày 19/8/2019.

Ngoài ra vợ chồng lúc còn sống chung có tham gia một dây hụi với chị Trương Thị D, anh P dự kiến số tiền hụi sau khi kết thúc hụi được 48.000.000 đồng và có thuê của ông Nguyễn Văn Đ số đất có diện tích là 12.500 m² do chị H canh tác (đã hết hạn thuê), anh P yêu cầu chị H chia cho anh số tiền hụi là 24.000.000 đồng và chia đôi diện tích đất trên để anh P canh tác. Ngày 19/7/2019 anh P xin tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu chia số tiền hụi và chia diện tích đất thuê trên với chị H.

Về nợ chung: Nợ ông Nguyễn Văn Đ số tiền thuê đất là 68.000.000 đồng, nợ chị Nguyễn Thị Huyền M số tiền vay là 20.000.000 đồng, nợ bà Nguyễn Thị Mỹ P số tiền mua hạt giống ớt là 22.830.000 đồng, nợ chị Lê Võ Tuyết H số tiền mua vật tư phục vụ việc trồng rẫy là 5.196.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn Ngọc A số tiền mua vật tư nông nghiệp là 26.000.000 đồng, nợ bà Phạm Thị L số tiền hụi là 8.000.000 đồng, nợ Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng vốn và lãi vay còn lại là 31.447.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ trên là: 181.473.000, anh P yêu cầu anh và chị H cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên.

Riêng đối với số nợ chị Nguyễn Thị T số tiền vay là 10.000.000 đồng, anh và chị T đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã T số tiền 120.000.000 đồng. Anh P và chị H đã thanh toán xong, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ kiện này đối với số tiền nợ Ngân hàng trên.

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị H thống nhất với lời khai của anh P về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như lời trình bày trên của anh P. Nay anh P xin ly hôn thì chị H đồng ý ly hôn với anh P.

- *Về con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trường Q, sinh ngày 01/01/2002 và Nguyễn Trường H, sinh ngày 04/02/2011 hiện cháu Q do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được và chị H đồng ý giao cháu H cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- *Về tài sản chung*: Chị H thừa nhận có quản lý số tài sản chung của vợ chồng là 10.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị H đồng ý chia cho anh P 5.000.000 đồng vào ngày 19/8/2019. Đối với dây hụi với chị Trương Thị D thì chị H xác định hoàn toàn không có tham gia và không biết việc này; có thuê của ông Nguyễn Văn Đ số đất có diện tích là 12.500 m² đất đã hết hạn thuê và hiện ông Đ lấy lại sử dụng.

Nợ chung: Chị H thống nhất với lời trình bày của anh P là khi vợ chồng còn sống chung có nợ chung các chủ nợ như lời trình bày trên của anh P. Tổng số nợ chị H và anh P còn nợ các chủ nợ là 181.473.000 đồng. Nay chị H đồng ý cùng anh P có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên.

Lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Tại đơn yêu cầu độc lập của ông Đ đề ngày 24/4/2018 yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị H trả cho ông số tiền thuê đất là 72.500.000 đồng. Ngày 03/5/2019, ông Đ có đơn rút một phần yêu

cầu khởi kiện. Nay ông Đ yêu cầu anh P và chị H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số nợ 68.000.000 đồng ngay một lần.

+ Chị Trương Thị D trình bày: Chị D có làm chủ hội của dây hội 3.000.000 đồng như trình bày của anh P nhưng người tham gia dây hội trên có ghi tên P và H trong sổ chơi hội nhưng không phải là anh Nguyễn Thanh P và Nguyễn Thị H mà là P, H của người bà con chị do trùng tên. Anh P hiểu nhầm tên P và H trong sổ hội và cho rằng chị Nguyễn Thị H có tham gia trong dây hội này. Nay chị D xác định lại là hoàn toàn anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị H không có tham gia dây hội anh P trình bày như trên.

+ Chị Nguyễn Thị Huyền M trình bày: Tại đơn yêu cầu độc lập của chị M đề ngày 18/4/2018 yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị H trả cho chị M số tiền vay là 30.000.000 đồng để làm vốn xuống giống lúa năm 2016 – 2017. Ngày 24/5/2019, chị M có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nay chị M yêu cầu anh P và chị H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị M số nợ tiền vay là 20.000.000 đồng ngay một lần.

+ Chị Lê Võ Tuyết H trình bày: Vợ chồng anh P và chị H có mua vật tư để sử dụng vào việc trồng rẫy cụ thể vào các ngày 05/8/2017 là 4.354.000 đồng, ngày 01/9/2017 là 738.000 đồng và ngày 20/9/2017 là 104.000 đồng. Tổng cộng 3 đợt mua hàng là 5.196.000 đồng. Nay chị H yêu cầu anh P và chị H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số nợ là 5.196.000 đồng ngay một lần.

+ Ông Nguyễn Văn Ngọc A trình bày: Anh P và chị H có mua vật tư nông nghiệp để sử dụng vào việc sản xuất nông nghiệp với số tiền là 26.000.000 đồng. Nay ông A yêu cầu anh P và chị H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số nợ 26.000.000 đồng ngay một lần.

+ Bà Phạm Thị L trình bày: Anh P và chị H có tham gia chơi hội do bà làm chủ, dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 25/3/2015 âm lịch, mỗi tháng bia một lần, tổng số 20 phần, trong đó anh P và chị H tham gia 01 phần và đã hết hội, hiện còn nợ lại 08 lần hội chết chưa trả là 8.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu anh P và chị H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số nợ tiền hội là 8.000.000 đồng ngay một lần.

+ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Do bà Tiêu Thị Mỹ L làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 13/4/2017, anh P và chị H có vay của Agribank Chi nhánh thị xã T số tiền 120.000.000 đồng. Tính đến ngày 09/5/2018, anh P và chị H còn nợ số tiền vốn gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn là 5.098.333 đồng.

Anh P có cam kết trả số nợ vốn và lãi trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 09/5/2018 đến ngày 24/5/2018. Do đó Ngân hàng không tranh chấp yêu cầu độc lập trong vụ kiện này đối với anh P và chị H, trong trường hợp nếu anh P và chị H không thực hiện đúng cam kết trên thì Ngân hàng sẽ khởi kiện anh P và chị H bằng một vụ kiện khác.

+ Chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào tháng 9/2017, anh P vay của chị T số tiền 5.000.000 đồng và tháng 11/2017 anh P vay tiếp 5.000.000 đồng. Tính đến nay anh P còn nợ chị T số tiền 10.000.000 đồng và chị T có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này về việc yêu cầu anh P có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 10.000.000 đồng, chị T không yêu cầu chị H cùng anh P có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số nợ trên. Ngày 16/10/2018, chị T có đơn tự nguyện xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập, không yêu cầu anh P có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 10.000.000 đồng.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bà Nguyễn Thị Mỹ P đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bà P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Nguyễn Thanh P rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung với chị H đối với số tiền hụi là 24.000.000 đồng và chia đôi 12.500 m² đất thuê. Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Về sự vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bà Nguyễn Thị Mỹ P. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập; ông Nguyễn Văn Đ có đơn rút một phần yêu cầu độc lập; chị Nguyễn Thị Huyền M có đơn rút một phần yêu cầu độc lập; anh Nguyễn Thanh P có đơn rút một phần yêu cầu chia tài sản chung với chị H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T; đình chỉ một phần yêu cầu độc lập đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Huyền M và một phần yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Thanh P.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh P với chị H; về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh P và chị H về việc anh P được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q. Anh P và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Công nhận việc thỏa thuận chia số tài sản chung giữa anh P và chị H đối với số tiền là 10.000.000 đồng hiện chị H đang quản lý, chị H có trách nhiệm giao cho anh P 5.000.000 đồng, thời hạn giao vào ngày 19/8/2019. Về nợ chung: Buộc anh P và chị H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho các ông, bà: Nguyễn Văn Đ số tiền là 68.000.000 đồng; Nguyễn Thị Huyền M số tiền là 20.000.000 đồng, Lê Võ Tuyết H số tiền là 5.196.000 đồng, Nguyễn Văn Ngọc A số tiền là 26.000.000 đồng và Phạm Thị L số tiền là 8.000.000 đồng.

Do Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bà Nguyễn Thị Mỹ P không hợp tác giải quyết trong vụ kiện này nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bà P có yêu cầu giải quyết thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Ngoài ra, nếu sau này anh P và chị H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 26 và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Thanh P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 09, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh P và chị H thống nhất chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng tháng 4 năm 2000, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 06/10/2014. Ngoài ra, anh P và chị H thống nhất về con chung và tài sản chung. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định đây là những tình tiết không phải chứng minh.

[2] Về hôn nhân: Anh P và chị H kết hôn vào tháng 4/2000, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 06/10/2014 là đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa anh P và chị H đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn sống chung nhau được, anh P và chị H sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay nên cuộc sống vợ chồng có kéo dài cũng không hạnh phúc, cả hai đều thống nhất ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 06/10/2014 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị H và Nguyễn Thanh P không còn giá trị pháp lý.

[3] Về nuôi con chung: Anh P và chị H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trường Q, sinh ngày 01/01/2002 hiện cháu Q do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 04/02/2011 hiện cháu H do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P và chị H thống nhất giao cháu Q cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con thành niên và có khả năng lao động được (cháu Nguyễn Trường Q có nguyện vọng sống với chị H). Giao cháu H cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con thành niên và có khả năng lao động được (cháu Nguyễn Trường H có nguyện vọng sống với anh P). Anh P và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Ngược lại chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về chia tài sản chung:

Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung về việc anh P yêu cầu chị H chia số tài sản chung là 24.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi số đất thuê là 12.500 m² đất.

Chị H giữ số tài sản chung là 10.000.000 đồng, anh P và chị H thống nhất chị H giao cho anh P số tiền chia tài sản chung là 5.000.000 đồng, thời gian thực hiện là ngày 19/8/2019.

[5] Về nợ chung:

Xét yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh P trả cho chị T 10.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu độc lập đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu anh P và chị H trả số tiền thuê đất phân chênh lệch 4.500.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu độc lập đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huyền M đối với yêu cầu anh P và chị H trả số tiền vay phân chênh lệch 10.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị H thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh P và chị H có nợ các ông, bà Nguyễn Văn Đ số tiền thuê đất là 68.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị Huyền M số tiền vay 20.000.000 đồng; nợ chị Lê Võ Tuyết H số tiền mua thiết bị phục vụ nông nghiệp là 5.196.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn Ngọc A số tiền mua vật tư nông nghiệp là 26.000.000 đồng; nợ bà Phạm Thị L số tiền hụi là 8.000.000 đồng. Anh P và chị H thống nhất đây là số nợ chung và đồng ý có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cho các ông bà như đã nêu trên. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu độc lập của các ông, bà Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Thị Huyền M; Lê Võ Tuyết H; Nguyễn Văn Ngọc A và Phạm Thị L.

+ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Do bà Tiêu Thị Mỹ L làm đại diện theo ủy quyền

không tranh chấp yêu cầu độc lập trong vụ kiện này đối với anh P và chị H, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bà Nguyễn Thị Mỹ P đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bà P không hợp tác trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bà Nguyễn Thị Mỹ P có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí hôn nhân và dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 26 và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc anh P và chị H phải chịu án phí như sau:

- Anh Nguyễn Thanh P phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (tương ứng với giá trị tài sản được chia là 5.000.000 đồng), 3.180.000 đồng án phí dân sự đối với nghĩa vụ phải trả nợ cho các ông, bà Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Thị Huyền M; Lê Võ Tuyết H; Nguyễn Văn Ngọc A và Phạm Thị L. Tổng cộng anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.780.000 đồng (300.000 đồng + 300.000 đồng + 3.180.000 đồng). Khấu trừ vào số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí anh P đã nộp tại biên lai thu số 0001519 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Anh P còn phải nộp 2.880.000 đồng.

- Chị H phải chịu án phí dân sự tương ứng với giá trị tài sản được chia là 300.000 đồng, án phí đối với nghĩa vụ phải trả tiền cho các ông, bà Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Thị Huyền M; Lê Võ Tuyết H; Nguyễn Văn Ngọc A và Phạm Thị L là 3.180.000 đồng, tổng cộng chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.480.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu số 0004869 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Chị H còn phải nộp 3.180.000 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho các ông, bà Nguyễn Văn Đ: 1.812.500 đồng, Nguyễn Thị Huyền M: 750.000 đồng, Lê Võ Tuyết H: 300.000 đồng, Nguyễn Văn Ngọc A: 650.000 đồng, Nguyễn Thị T: 300.000 đồng và Phạm Thị L: 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 273, Điều 243, Điều 244, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8, Điều 9, Điều 55, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 6 Điều 26, điểm a điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 06/10/2014 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị H và Nguyễn Thanh P không còn giá trị pháp lý.

2. *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Trường Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002 chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng và Nguyễn Trường H, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2011 anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Trường Q cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Giao cháu Nguyễn Trường H cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh P và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngược lại, chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về tài sản chung:

- Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung về việc anh P yêu cầu chị H chia số tài sản chung là 24.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi số đất thuê là 12.500 m² đất.

- Công nhận tài sản chung của anh P và chị H là 10.000.000 đồng, hiện chị H đang quản lý. Chị H và anh P thống nhất ngày 19/8/2019, chị H giao cho anh P số tiền 5.000.000 đồng.

4. Về nợ chung:

- Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh P trả cho chị T 10.000.000 đồng;

- Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu anh P và chị H trả số tiền thuê đất phần chênh lệch 4.500.000 đồng;

- Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huyền M đối với yêu cầu anh P và chị H trả số tiền vay phần chênh lệch 10.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của các ông, bà Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Thị Huyền M; Lê Võ Tuyết H; Nguyễn Văn Ngọc A và Phạm Thị L.

Buộc anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho các ông, bà Nguyễn Văn Đ số tiền là 68.000.000 đồng; Nguyễn Thị Huyền M số tiền là 20.000.000 đồng; Lê Võ Tuyết H số tiền là 5.196.000 đồng; Nguyễn Văn Ngọc A số tiền là 26.000.000 đồng và Phạm Thị L số tiền là 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Thanh P chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (tương ứng với giá trị tài sản được chia), 3.180.000 đồng án

phí dân sự đối với nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.780.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí anh P đã nộp tại biên lai thu số 0001519 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Anh P còn phải nộp thêm 2.880.000 đồng (hai triệu tám trăm tám chục nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (tương ứng với giá trị tài sản được chia), 3.180.000 đồng án phí dân sự đối với nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.480.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu số 0004869 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Chị H còn phải nộp thêm 3.180.000 đồng (ba triệu một trăm tám chục nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn Đ được nhận lại 1.812.500 đồng (một triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004594 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

- Chị Nguyễn Thị Huyền M được nhận lại 750.000 đồng (bảy trăm năm chục nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004622 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

- Chị Lê Võ Tuyết H được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004593 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

- Ông Nguyễn Văn Ngọc A được nhận lại 650.000 đồng (sáu trăm năm chục nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004555 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

- Chị Nguyễn Thị T được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004540 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

- Bà Phạm Thị L được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004539 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dãm